

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **01**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100001	NGUYỄN HỒ KHẢ AI	10A4	
2	100002	TRẦN NHƯ AN	10A4	
3	100003	BÙI HỮU AN	10A8	
4	100004	HỨA TRÍ AN	10A2	
5	100005	NGUYỄN HỒNG AN	10A4	
6	100006	NGUYỄN TRẦN HỒNG AN	10A7	
7	100007	LÂM NGỌC KIỀU ANH	10A1	
8	100009	LÂM THỦY ANH	10A2	
9	100010	LÊ THỊ QUỲNH ANH	10A2	
10	100011	VÕ NGUYỄN QUỐC ANH	10A2	
11	100012	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	10A3	
12	100013	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	10A3	
13	100014	NGUYỄN THỊ KIM ANH	10A3	
14	100015	LÝ CHÂU ANH	10A4	
15	100016	PHAN BÁ ANH	10A5	
16	100017	LÊ VÂN ANH	10A5	
17	100018	NGUYỄN TUẤN ANH	10A6	
18	100019	VÕ LÊ ĐIỀU ANH	10A6	
19	100020	BÙI TRÂM ANH	10A6	
20	100021	CAO HUỲNH ANH	10A7	
21	100022	HUỲNH TUYẾT ANH	10A7	
22	100023	TRẦN NGỌC TRÂM ANH	10A7	
23	100026	ĐỖ NGỌC ÁNH	10A4	
24	100027	TẶNG GIA BẢO	10A2	
25	100028	VÕ HOÀNG GIA BẢO	10A3	
26	100029	LÊ HOÀNG GIA BẢO	10A5	
27	100030	LÊ PHÚC BẢO	10A5	
28	100033	NGUYỄN NHẬT BÌNH	10A2	
29	100034	NGUYỄN TRẦN NGUYỆT CÁT	10A5	
30	100035	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO CHÂU	10A2	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **02**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100036	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	10A2	
2	100037	VÕ PHÚ CƯỜNG	10A4	
3	100038	LÊ HUỖNH VĨNH ĐAN	10A5	
4	100040	HUỖNH NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10A6	
5	100041	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	10A7	
6	100042	NGÔ TUỆ ĐĂNG	10A8	
7	100043	LÊ NGUYỄN ĐẠT	10A1	
8	100044	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10A1	
9	100045	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	10A3	
10	100046	NGUYỄN LÝ THẠNH ĐẠT	10A5	
11	100047	STEIGER VIỆT ĐỨC	10A3	
12	100048	HOÀNG MINH ĐỨC	10A7	
13	100049	NGUYỄN HOÀNG DUNG	10A1	
14	100050	NGÔ MỸ DUNG	10A5	
15	100051	NGUYỄN TRUNG DŨNG	10A8	
16	100053	HUỖNH NGUYỄN HOÀNG DUY	10A1	
17	100054	BÙI QUỐC DUY	10A2	
18	100055	HUỖNH NHẬT DUY	10A2	
19	100056	NGUYỄN KHÁNH DUY	10A3	
20	100057	NGUYỄN ANH DUY	10A8	
21	100058	SÂM HOÀNG GIA	10A7	
22	100059	NGUYỄN XUÂN GIÀU	10A7	
23	100060	HỒ NGỌC HÀ	10A1	
24	100062	PHẠM NGỌC HÀ	10A2	
25	100063	NGUYỄN NGỌC KHÁNH HÀ	10A6	
26	100064	HUỖNH THỊ MỸ HÀ	10A8	
27	100065	NGÔ NGUYỄN HỒNG LONG HẢI	10A3	
28	100066	BÙI NGỌC GIA HÂN	10A1	
29	100067	HỒ NGỌC GIA HÂN	10A3	
30	100068	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	10A5	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **03**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100069	TRẦN LÊ NGỌC HÂN	10A6	
2	100070	NGUYỄN TÔ GIA HÂN	10A8	
3	100071	PHẠM CÔNG PHÚ HÀO	10A3	
4	100072	MAI QUANG HIỂN	10A4	
5	100074	PHẠM GIA HIẾU	10A5	
6	100075	NGUYỄN TRẦN NGỌC HIẾU	10A8	
7	100076	TRẦN TRUNG HIẾU	10A8	
8	100077	TRẦN CAO HÒA	10A3	
9	100078	HUỶNH KIM HUY HOÀNG	10A7	
10	100079	NGUYỄN DUY HOÀNG	10A8	
11	100080	DƯƠNG NGUYỄN MINH HÙNG	10A1	
12	100082	TRƯƠNG MINH HUY	10A5	
13	100083	HỒ GIA HUY	10A7	
14	100084	NGUYỄN GIA HUY	10A7	
15	100085	BÙI QUANG HUY	10A8	
16	100086	NGUYỄN TRÚC HUỶNH	10A6	
17	100087	ĐỖ HOÀI KHANG	10A2	
18	100088	LÊ HOÀNG KHANG	10A2	
19	100089	TRẦN GIA KHANG	10A2	
20	100090	HỨA VÕ HOÀNG KHANG	10A3	
21	100091	NGUYỄN DUY KHANG	10A4	
22	100092	NGUYỄN HOÀNG KHANG	10A8	
23	100093	NGUYỄN MẠNH KHANG	10A8	
24	100094	PHAN QUỐC KHANG	10A8	
25	100098	LÊ QUỐC KHÁNH	10A3	
26	100099	ĐỖ PHONG VĂN KHÁNH	10A6	
27	100100	PHAN LÊ QUỐC KHÁNH	10A6	
28	100101	PHẠM NGỌC KHÁNH	10A7	
29	100102	TRẦN CÁT KHÁNH	10A7	
30	100106	NGUYỄN HUỶNH ANH KHOA	10A4	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **04**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100107	MAI ANH KHOA	10A6	
2	100108	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10A6	
3	100110	NGUYỄN ANH KHÔI	10A1	
4	100111	HUỖNH NGỌC ANH KHÔI	10A2	
5	100112	LÝ HOÀNG KHÔI	10A2	
6	100113	LÊ NGUYỄN ANH KHÔI	10A3	
7	100114	LÝ VIỆT KHÔI	10A6	
8	100115	TẠ VÕ HOÀNG KHÔI	10A8	
9	100116	TRẦN HỒ TRUNG KIÊN	10A4	
10	100117	NGÔ TRUNG KIÊN	10A6	
11	100118	VÕ TUẤN KIỆT	10A4	
12	100119	NGUYỄN TUẤN KIỆT	10A7	
13	100120	NGUYỄN PHAN MỸ KIM	10A7	
14	100123	NGUYỄN NGỌC LAM	10A5	
15	100124	NGUYỄN QUỲNH LAM	10A5	
16	100125	NGUYỄN SƠN LÂM	10A1	
17	100126	NGUYỄN THỊ HOÀNG LÊ	10A5	
18	100127	BÙI NGỌC KHÁNH LINH	10A7	
19	100128	TRƯƠNG NGỌC THÙY LINH	10A8	
20	100129	NGUYỄN KHÁNH LINH	10A8	
21	100130	NGUYỄN HUỖNH THANH LOAN	10A4	
22	100131	NGÔ TẤN LỘC	10A2	
23	100132	LÊ NGUYỄN BÁ LỘC	10A8	
24	100133	BÙI NGỌC LỢI	10A2	
25	100134	NGÔ GIA LONG	10A1	
26	100135	TRẦN THIÊN LONG	10A1	
27	100137	HỒ ĐẶNG THẮNG LONG	10A8	
28	100138	NGUYỄN PHẠM NGỌC MAI	10A5	
29	100139	NÔNG TUYẾT MAI	10A6	
30	100140	TRẦN NGỌC YẾN MAI	10A7	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **05**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100141	PHẠM SỬ MẠNH	10A2	
2	100142	NGUYỄN NGỌC HẢI MI	10A1	
3	100143	BÙI ĐỖ QUANG MINH	10A1	
4	100144	HOÀNG TUẤN MINH	10A1	
5	100145	NGUYỄN HOÀNG MINH	10A1	
6	100146	TRẦN HOÀNG XUÂN MINH	10A4	
7	100147	VÕ HOÀNG MINH	10A4	
8	100148	PHẠM LÊ QUỐC MINH	10A6	
9	100149	BÙI HUỲNH HỮU MINH	10A8	
10	100151	TRƯƠNG DIỄM MY	10A4	
11	100152	THÁI HOÀNG MỸ	10A1	
12	100153	QUÁCH THIÊN MỸ	10A2	
13	100155	ĐINH HOÀNG NAM	10A4	
14	100156	ĐOÀN THỊ KIM NGÂN	10A1	
15	100158	ĐẶNG THỊ NGỌC NGÂN	10A3	
16	100159	NGUYỄN ĐÀO KIM NGÂN	10A4	
17	100161	LÊ NGUYỄN GIA NGHI	10A4	
18	100162	LONG NGỌC BẢO NGHI	10A5	
19	100163	LÊ GIA NGHI	10A8	
20	100164	NGUYỄN HIẾU NGHĨA	10A1	
21	100165	HUỲNH TRẦN KHÁNH NGỌC	10A1	
22	100168	HUỲNH NGUYỄN THANH NGỌC	10A3	
23	100169	TRẦN BẢO NGỌC	10A3	
24	100170	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	10A3	
25	100171	VÕ ÁNH NGỌC	10A3	
26	100172	TRẦN HUỲNH BẢO NGỌC	10A4	
27	100173	TRẦN NGUYỄN HỒNG NGỌC	10A4	
28	100174	THIỆU HUỲNH KHÁNH NGỌC	10A6	
29	100175	BÙI KHÁNH NGỌC	10A6	
30	100179	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	10A1	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **06**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100180	DƯƠNG NGỌC THẢO NGUYỄN	10A3	
2	100181	NGÔ BẢO NGUYỄN	10A4	
3	100182	TRẦN KIM THẢO NGUYỄN	10A4	
4	100183	PHAN VĂN NGUYỄN	10A7	
5	100185	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	10A5	
6	100186	TRỊNH ÁNH NGUYỆT	10A6	
7	100187	NGUYỄN HIẾU NHÂN	10A1	
8	100188	LIÊU NGUYỄN BẢO NHÂN	10A2	
9	100189	NGUYỄN THIỆN NHÂN	10A2	
10	100190	TRẦN MINH NHẬT	10A8	
11	100192	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG NHI	10A5	
12	100193	ĐỖ THIÊN NHI	10A7	
13	100195	NGUYỄN HỒ HOÀI NHƯ	10A8	
14	100196	HOÀNG NGUYỄN YẾN NHƯ	10A8	
15	100199	NGUYỄN TRUNG PHÁT	10A4	
16	100200	NGUYỄN HUỖNH PHÁT	10A6	
17	100201	LÊ PHẠM ANH PHÁT	10A8	
18	100202	NGUYỄN PHAN QUỐC PHONG	10A2	
19	100203	LA HỒ THIÊN PHÚ	10A2	
20	100204	HÀ GIA PHÚ	10A6	
21	100205	TRẦN NGUYỄN MINH PHÚC	10A1	
22	100206	PHẠM THANH PHÚC	10A3	
23	100207	PHẠM HOÀNG KIM PHỤNG	10A4	
24	100208	NGUYỄN HOÀNG PHƯỚC	10A8	
25	100209	LÊ HUỖNH PHƯƠNG	10A1	
26	100210	TÓNG KHÁNH PHƯƠNG	10A2	
27	100211	LÊ KIỀU PHƯƠNG	10A6	
28	100212	MÃ TRANG PHƯƠNG	10A8	
29	100216	NGUYỄN VIỆT QUÂN	10A3	
30	100217	LÊ NGUYỄN HOÀNG TRUNG QUÂN	10A6	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **07**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100218	NGUYỄN ANH QUÂN	10A7	
2	100219	PHẠM HOÀNG QUÂN	10A8	
3	100221	NGUYỄN TẤN QUANG	10A1	
4	100223	TÔ HÁN QUỐC	10A1	
5	100224	NGUYỄN ANH QUỐC	10A6	
6	100225	TRƯƠNG THỊ KIM QUYÊN	10A5	
7	100226	NGUYỄN HÀ THẢO QUYÊN	10A8	
8	100228	LÊ PHƯƠNG QUỲNH	10A1	
9	100229	PHAN NGỌC TRÚC QUỲNH	10A1	
10	100230	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	10A2	
11	100231	HUỶNH NHƯ QUỲNH	10A4	
12	100232	ĐỖ NGUYỄN TRÚC QUỲNH	10A6	
13	100233	TRẦN LINH SANG	10A6	
14	100234	NGUYỄN VI SÁNG	10A4	
15	100235	CAO THẾ SƠN	10A8	
16	100236	HÀ THÁI SƠN	10A8	
17	100237	HỨA TRƯỜNG TÀI	10A1	
18	100238	VƯƠNG KHIẾT TÂM	10A1	
19	100239	NGUYỄN HOÀNG TÂM	10A3	
20	100240	BÙI VĂN THANH THÁI	10A2	
21	100241	PHAN NGỌC MINH THÁI	10A5	
22	100242	LƯU NGUYỄN HOÀNG THÁI	10A7	
23	100243	PHẠM HOÀNG THẨM	10A8	
24	100244	CHÂU QUANG THẮNG	10A2	
25	100245	NGUYỄN HUỶNH ĐẠI THẮNG	10A2	
26	100246	KIM PHƯỚC THÀNH	10A6	
27	100247	ĐỖ TRẦN TIẾN THÀNH	10A6	
28	100248	LÊ CHÍ THÀNH	10A8	
29	100249	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	10A4	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **08**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100250	NGUYỄN LÊ ANH THI	10A4	
2	100251	VŨ ĐỨC THIÊN	10A1	
3	100253	LÝ PHƯỚC THỊNH	10A1	
4	100254	LỖ QUỐC THỊNH	10A2	
5	100255	NGUYỄN BÁ THỊNH	10A6	
6	100256	VÕ HOÀNG THƠ	10A1	
7	100257	LÊ NGỌC THƠ	10A3	
8	100258	HUỲNH THỊ ANH THƠ	10A5	
9	100259	NGUYỄN MINH THÔNG	10A7	
10	100260	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	10A2	
11	100261	LƯƠNG ANH THƯ	10A7	
12	100262	PHẠM ANH THƯ	10A7	
13	100263	LÊ VÕ ANH THƯ	10A8	
14	100267	TRẦN NGỌC KHÁNH THY	10A3	
15	100268	LÊ VIỆT THY	10A7	
16	100270	NGÔ MINH TIẾN	10A3	
17	100271	NGUYỄN NGỌC TIẾN	10A4	
18	100273	ĐOÀN VĨNH TOÀN	10A4	
19	100274	NGUYỄN DUY TOÀN	10A8	
20	100275	TRƯƠNG THỊ BẢO TRÂM	10A3	
21	100276	TRẦN KIỀU TRÂM	10A7	
22	100279	TRƯƠNG ĐÌNH BẢO TRÂN	10A7	
23	100283	LÊ NGỌC TRANG	10A4	
24	100284	DƯƠNG LÊ NGỌC TRANG	10A5	
25	100285	SƠN NGUYỄN HỮU TRÍ	10A3	
26	100286	NGUYỄN HOÀNG TRÍ	10A7	
27	100288	NGUYỄN MINH TRIẾT	10A4	
28	100289	PHẠM QUỐC TRIỆU	10A1	
29	100290	VÕ HUÊ PHÚ TRỌNG	10A3	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GIỮA KỲ II-NĂM HỌC 2025-2026

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Phòng số: **09**

Môn: **VẬT LÝ**

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	100291	LÊ PHÚ TRỌNG	10A6	
2	100292	TRẦN NGUYỄN XUÂN TRỌNG	10A7	
3	100293	LÊ THỊ THANH TRÚC	10A2	
4	100294	LA NGỌC TRÚC	10A4	
5	100296	ÔNG TÙNG TRƯƠNG	10A5	
6	100297	NGUYỄN HUỖNH THANH TÚ	10A7	
7	100298	TRẦN ANH TUẤN	10A3	
8	100299	ĐỖ ĐẶNG THIÊN TƯỜNG	10A6	
9	100300	LÝ LÊ KIM TUYỀN	10A3	
10	100301	PHAN THANH TUYỀN	10A6	
11	100302	CHÂU NGUYỄN HOÀNG UYÊN	10A1	
12	100304	TRƯƠNG MỸ VĂN	10A3	
13	100306	LỮ NGUYỄN HOÀNG VIỆT	10A7	
14	100307	TRẦN QUANG VINH	10A7	
15	100309	NGUYỄN HUỖNH THẢO VY	10A2	
16	100310	PHAN YẾN VY	10A3	
17	100311	TRẦN NGỌC VY	10A3	
18	100312	NGUYỄN QUỲNH VY	10A4	
19	100313	TRỊNH THÚY VY	10A5	
20	100314	PHẠM LÊ THẢO VY	10A6	
21	100315	PHẠM NGỌC LAN VY	10A6	
22	100316	BÙI NGUYỄN MINH VY	10A7	
23	100321	NGUYỄN THANH XUÂN	10A2	
24	100322	NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN	10A6	
25	100325	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	10A3	
26	100326	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	10A3	
27	100327	LÊ HOÀNG YẾN	10A2	
28	100328	VĂN NGÔ BẢO YẾN	10A5	
29	100329	NGUYỄN TRANG PHI YẾN	10A5	